

TCTY CN XI MĂNG VIỆT NAM
C.TY CP XM VICEM HOÀNG MAI

Số: 1259 /XMHM-TCKT
V/v Công bố thông tin báo cáo tài chính
Quý III năm 2015

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàng Mai, ngày 20 tháng 10 năm 2015

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai
2. Mã chứng khoán: HOM
3. Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An
4. Điện thoại: (0383) 866 170 Fax: (0383) 866 648
5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đậu Thị Nga – TP. Tài chính Kế toán
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính Quý III năm 2015 của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai được lập ngày 16/10/2015 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.
 - 6.2 Nội dung giải trình (chênh lệch trên 10% LNST so với cùng kỳ năm 2014).



**GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ III NĂM 2015
SO VỚI QUÝ III NĂM 2014**

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT QUÝ III NĂM 2015

Của Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai được lập ngày 16 tháng 10 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

MẪU SỐ B 01a – DN
ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	30/09/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	811.099.051.179	587.825.418.116
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	179.408.064.543	117.862.497.940
1. Tiền	111	56.408.064.543	117.862.497.940
2. Các khoản tương đương tiền	112	123.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	313.214.853.441	144.639.662.024
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	269.831.321.959	58.613.601.727
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8.828.608.559	60.943.725.436
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	30.000.000.000	24.893.200.937
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7.615.597.955	3.249.808.956
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(3.060.675.032)	(3.060.675.032)
IV. Hàng tồn kho	140	318.050.844.816	318.211.794.886
1. Hàng tồn kho	141	320.725.556.995	320.886.507.065
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(2.674.712.179)	(2.674.712.179)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	425.288.379	7.111.463.266
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	375.744.891	1.545.383.973
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	-	673.796.924
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	49.543.488	4.892.282.369
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1.240.905.279.603	1.267.935.180.016
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	889.981.134	851.490.209
6. Phải thu dài hạn khác	216	889.981.134	851.490.209
II. Tài sản cố định	220	1.105.243.949.709	1.168.727.946.125
1. Tài sản cố định hữu hình	221	1.104.670.644.038	1.167.948.603.532
- Nguyên giá	222	2.813.579.161.146	2.798.890.648.510
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(1.708.908.517.108)	(1.630.942.044.978)
3. Tài sản cố định vô hình	227	573.305.671	779.342.593
- Nguyên giá	228	1.511.153.370	1.511.153.370
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(937.847.699)	(731.810.777)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	32.806.221.539	23.827.643.209
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	32.806.221.539	23.827.643.209
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	101.965.127.221	74.528.100.473
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	77.245.070.695	49.808.043.947
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	24.720.056.526	24.720.056.526
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270	2.052.004.330.782	1.855.760.598.132



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

MẪU SỐ B 01a - DN
 Đơn vị tính: VND

C - NỢ PHẢI TRẢ	300	1.145.864.825.427	967.304.542.876
I. Nợ ngắn hạn	310	1.113.441.369.028	831.831.976.813
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	181.345.943.359	127.675.974.745
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	393.028.459	21.756.308.887
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	7.767.184.728	3.514.728.457
4. Phải trả người lao động	314	21.362.586.261	19.647.282.589
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	57.961.648.675	25.720.023.095
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	24.516.487.089	8.776.887.635
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	809.892.495.469	622.881.412.177
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	3.362.766.746	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	6.839.228.242	1.859.359.228
II. Nợ dài hạn	330	32.423.456.399	135.472.566.063
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	8.214.902.711	114.239.930.632
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	23.649.553.488	20.673.635.231
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	559.000.200	559.000.200
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	906.139.505.355	888.456.055.256
I. Vốn chủ sở hữu	410	906.139.505.355	888.456.055.256
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	720.000.000.000	720.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	720.000.000.000	720.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	19.138.086.811	19.138.086.811
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	(28.199.462.462)	(28.199.462.462)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	148.837.652.393	135.837.652.393
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	46.363.228.613	41.679.778.514
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	-	(1.453.757.319)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	46.363.228.613	43.133.535.833
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440	2.052.004.330.782	1.855.760.598.132

30329
 NG TY
 NG VI
 NG M
 MAI-T.N

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2015

MẪU SỐ B 02a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 3 năm 2015	Quý 3 năm 2014	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	470.429.806.863	463.078.095.680	1.350.158.814.513	1.341.592.073.954
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17.175.847.195	16.187.380.277	47.952.576.624	39.710.028.557
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	453.253.959.668	446.890.715.403	1.302.206.237.889	1.301.882.045.397
Giá vốn hàng bán	11	349.946.392.822	382.294.604.149	1.055.410.758.229	1.096.610.125.599
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20	103.307.566.846	64.596.111.254	246.795.479.660	205.271.919.798
Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.103.623.397	646.426.965	1.620.074.021	1.513.552.883
Chi phí tài chính	22	8.915.120.072	11.822.719.258	27.106.072.264	37.456.250.776
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	8.891.480.274	11.813.258.858	26.695.747.002	37.261.975.967
Chi phí bán hàng	25	41.360.967.484	24.226.938.196	87.996.410.217	72.175.691.928
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.337.717.797	23.988.504.506	74.617.076.973	69.169.680.354
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30	24.797.384.890	5.204.376.259	58.695.994.227	27.983.849.623
Thu nhập khác	31	11.526.538	2.720.981.505	1.197.897.273	4.561.013.213
Chi phí khác	32	5.927.303.846	500.088.825	6.132.487.733	840.920.347
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(5.915.777.308)	2.220.892.680	(4.934.590.460)	3.720.092.866
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	18.881.607.582	7.425.268.939	53.761.403.767	31.703.942.489
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.503.037.175	377.645.858	4.422.256.897	1.944.083.151
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	922.892.996	1.035.123.755	2.975.918.257	(1.027.935.476)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60	16.455.677.411	6.012.499.326	46.363.228.613	30.787.794.814
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	238	71	670	363



B. GIẢI TRÌNH

Theo thông tin công bố, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý III năm 2015 của Công ty đạt 453 tỷ đồng, tăng 1,4% so với doanh thu thuần quý III năm 2014. Lợi nhuận sau thuế Quý III năm 2015 của công ty lãi 16,5 tỷ đồng, tăng 174% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 (LNST Quý III năm 2014 là 6 tỷ đồng) là do các nguyên nhân sau:

- Sản lượng clinker sản xuất đạt hơn 361 nghìn tấn, tăng 15% so với quý III/2014.
- Định mức tiêu hao cho sản xuất giảm, cụ thể: Tiêu hao điện năng giảm 5%/ tấn sản phẩm Xi măng và giảm 4%/ tấn clinker; tiêu hao than giảm 3%....
- Giá dầu giảm 35%; Giá than giảm 7%.

Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội được biết và công bố thông tin theo quy định.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính:

<http://www.ximanghoangmai.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VT, TCKT

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
TP. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**



Đậu Thị Nga